

Bản án số: 112/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-02-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Danh Cư
2. Bà Lý Ngọc Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thanh H, sinh năm 1970

Địa chỉ: Số F đường số G T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Phương N và bà Hồ Thị Diễm H1, là Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1969

Địa chỉ thường trú: Số nhà D N, Phường F, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;

Nơi ở hiện nay: Số F đường số G T, Phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Dương Thị Thanh H trình bày:**

Bà Dương Thị Thanh H và ông Nguyễn Đức T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 036/1999 do Ủy ban nhân dân Phường F, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/1999. Quá trình chung sống, bà H xác nhận vợ chồng bà H và ông T có 03 (ba) con chung tên Nguyễn

Thị Hồng T1, sinh ngày: 27/6/1998, giới tính: Nữ; Nguyễn Đức Hồng T2, sinh ngày 12/9/2000, giới tính: Nam; Nguyễn Thị Hồng T3, sinh ngày: 10/10/2003, giới tính: Nữ, tất cả con chung đều đã trưởng thành. Cuộc sống gia đình không hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách suy nghĩ. Bà H đã hai lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vì thương con còn nhỏ và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết theo các Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 643/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2019, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1148/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2020, nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông T ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: 03 (ba) con chung đều đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H khai bà và ông T có tài sản chung, cả hai tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:** Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho ông Nguyễn Đức T các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T không đến làm việc và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T. Ngày 26/8/2024 và ngày 19/12/2024 Tòa án lập biên bản ghi nhận sự vắng mặt và không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Nguyễn Đức T vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

*** Tại phiên tòa:**

- Chủ tọa phiên tòa công bố: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương N và bà Hồ Thị Diễm H1: có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã gửi luận cứ bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn bà H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những

người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét đơn khởi kiện của bà Dương Thị Thanh H, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Đức T cư trú tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đã gửi luận cứ bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thanh H và ông Nguyễn Đức T tự nguyện sống chung từ năm 1999 và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà H trình bày nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng cách sống, cách suy nghĩ, quan điểm sống. Bà H đã hai lần nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng vì thương con còn nhỏ và muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết theo các Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 643/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10/7/2019, Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 1148/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/12/2020. Mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn gia đình để chăm lo cho con nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông T ngày càng trầm trọng hơn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Xét thấy đời sống chung vợ chồng không đem lại hạnh phúc cho bà H, mục đích hôn nhân không đạt được nên trước đó bà H đã 02 lần nộp đơn ly hôn ở Tòa án; Trong vụ án này, ông T không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải chứng tỏ ông T cũng không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Nhận

thấy tình cảm vợ chồng bà H và ông T không còn, mâu thuẫn vợ chồng bà trầm trọng. Lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà H được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng bà H và ông T có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày: 27/6/1998, giới tính: Nữ; Nguyễn Đức Hồng T2, sinh ngày 12/9/2000, giới tính: Nam; Nguyễn Thị Hồng T3, sinh ngày: 10/10/2003, giới tính: Nữ, tất cả con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà H khai bà và ông T có tài sản chung, hai bên tự thỏa thuận nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T không có mặt để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Bà Dương Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thanh H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thanh H được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

(theo Giấy trích lục kết hôn (bản sao) số 53/TLKH-BS ngày 25/01/2024 đối với Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 036/1999 ngày 14/6/1999 của Ủy ban nhân dân Phường F, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng).

- Về con chung: Bà H xác nhận vợ chồng bà H và ông T có 03 (ba) con chung tên Nguyễn Thị Hồng T1, sinh ngày: 27/6/1998, giới tính: Nữ; Nguyễn

Thị Hồng T3, sinh ngày: 10/10/2003, giới tính: Nữ; Nguyễn Đức Hồng T2, sinh ngày 12/9/2000, giới tính: Nam, tất cả con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà H khai bà và ông T có tài sản chung nhưng hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông T không có mặt để trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0036713 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Dương Thị Thanh H và ông Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 8;
- TAND Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 6, Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- UBND Phường 4, Quận 8; Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Thị Trúc Đào